

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình phát triển khoa học, công nghệ,
đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ưu tiên thực hiện
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 14/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế số, đổi mới sáng tạo và thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2025 – 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Đồng Tháp (lần 2);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 5503/TTr-SKH&CN ngày 11/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ưu tiên thực hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- VPUBND: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, KGVX (KD).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Minh Tuấn



CHƯƠNG TRÌNH

**Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ưu tiên
thực hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030**

*(Kèm theo Quyết định số 3406 /QĐ-UBND ngày 29 / 10 /2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, quản lý và đời sống xã hội; tạo động lực then chốt cho tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Đưa Đồng Tháp trở thành địa phương đi đầu trong đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên tri thức, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

2. Yêu cầu

- Chương trình đảm bảo tính định hướng và khả thi, xác định các lĩnh vực, nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ưu tiên đến năm 2030 phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; ưu tiên nguồn lực cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đột phá, có khả năng tạo giá trị gia tăng cao, tác động lan tỏa lớn và thúc đẩy phát triển bền vững ở những lĩnh vực có tiềm năng, thế mạnh.

- Bảo đảm kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được triển khai, ứng dụng thực tế trong sản xuất, đời sống và quản lý; huy động doanh nghiệp, viện, trường tham gia, phối hợp triển khai các nội dung của Chương trình; huy động đa dạng các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách, doanh nghiệp và xã hội; bảo đảm sử dụng hiệu quả, minh bạch các nguồn vốn đầu tư vào khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Mọi hoạt động của Chương trình hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân và xây dựng nền quản trị hiện đại dựa trên tri thức và công nghệ.

II. NHỮNG CHỈ TIÊU VÀ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Xây dựng và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Đồng Tháp

1.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Đồng Tháp bền vững, thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ (KH-CN) và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (ĐMST), góp phần nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2027

- Xây dựng kế hoạch và vận hành hiệu quả Không gian Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Đồng Tháp.
- Có ít nhất 46 doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận Doanh nghiệp khoa học và công nghệ.
- Có ít nhất 90 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.
- Có ít nhất 20 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh hằng năm.

b) Giai đoạn 2028 - 2030

- Có ít nhất 70 doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận Doanh nghiệp khoa học và công nghệ.
- Có ít nhất 150 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.
- Có ít nhất 30 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh hằng năm.
- Tăng cường ứng dụng các công nghệ tiên tiến như AI, Big Data, IoT vào các lĩnh vực trọng điểm.

1.3. Nhiệm vụ chủ yếu

a) Xây dựng hệ sinh thái khoa học, công nghệ và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Vận hành hiệu quả “Không gian Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Đồng Tháp”; tạo điều kiện thuận lợi về hạ tầng, tài chính, thủ tục cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; kết nối mạng lưới chuyên gia, nhà đầu tư, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp trong và ngoài tỉnh.

b) Phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ số, sản phẩm khoa học và công nghệ

Hỗ trợ phát triển các sản phẩm, dịch vụ công nghệ mới, đặc biệt trong nông nghiệp thông minh, quản lý đô thị, y tế, giáo dục, logistics; hỗ trợ đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ, phát triển thương hiệu và triển khai chương trình hỗ trợ tài chính, ưu đãi thuế cho doanh nghiệp KH-CN, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

c) Nâng cao năng lực ứng dụng và chuyển giao công nghệ

Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận công nghệ mới, giải pháp số hóa trong sản xuất và quản lý. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp hợp tác với viện, trường, các tổ chức KH-CN để nghiên cứu, phát triển và thử nghiệm sản phẩm công nghệ mới. Triển khai thí điểm áp dụng công nghệ mới, công nghệ sinh học, công nghệ bán dẫn, công nghệ thân thiện môi trường, công nghệ số AI, Big Data, IoT trong các mô hình sản xuất, quản lý; hỗ trợ tích hợp các giải pháp công nghệ số.

d) Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Tiếp tục tổ chức các cuộc thi, chương trình đào tạo kỹ năng khởi nghiệp sáng tạo; ươm tạo các doanh nghiệp đạt giải cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo của tỉnh tham gia cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, quốc tế.

đ) Hỗ trợ truyền thông và quảng bá sản phẩm sáng tạo

Tổ chức sự kiện, hội chợ công nghệ, triển lãm sản phẩm khởi nghiệp; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, marketing số.

e) Ưu đãi tài chính, thuế và tiếp cận vốn vay

Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo, ưu đãi thuế, vay vốn phát triển công nghệ. Hỗ trợ kết nối các doanh nghiệp khởi nghiệp (startup) với các nhà đầu tư, doanh nghiệp lớn.

2. Phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển hoạt động sở hữu trí tuệ đồng bộ, hiệu quả ở tất cả các khâu sáng tạo, xác lập, khai thác và bảo vệ, thực thi quyền sở hữu trí tuệ, tạo môi trường khuyến khích đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; đưa hoạt động sở hữu trí tuệ trở thành công cụ quan trọng, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, gắn với xây dựng và phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực và đặc thù của địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội tỉnh Đồng Tháp toàn diện và bền vững. Đến năm 2030, tỉnh Đồng Tháp trở thành địa phương đứng thứ nhất khu vực đồng bằng sông Cửu Long về việc tạo lập, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ (TSTT).

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2027

- Tập huấn nâng cao nhận thức về TSTT cho 80% các cán bộ quản lý; 80% các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh; 100% doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ kinh phí đăng ký xác lập sở hữu công nghiệp cho ít nhất 50 đối tượng (sáng chế, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp,...).

- Hình thành ít nhất 03 mô hình khai thác TSTT thành công trong các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh như nông nghiệp, du lịch.

- Hỗ trợ khai thác và phát triển có hiệu quả ít nhất 05 nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý đã được cấp văn bằng bảo hộ.

- Hỗ trợ các xã/phường xây dựng và đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với Logo và Bộ nhận diện thương hiệu (theo đề xuất của Ủy ban nhân dân xã, phường).

b) Giai đoạn 2028 - 2030

- Tập huấn nâng cao nhận thức về TSTT cho 100% các cán bộ quản lý; 100% các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh; 100% doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

- Tối thiểu 50% sản phẩm là sản phẩm chủ lực, đặc thù của tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý, phát triển tài sản trí tuệ và kiểm soát chất lượng và truy xuất nguồn gốc.

- Có ít nhất 02 chỉ dẫn địa lý hoặc nhãn hiệu (mang địa danh) được bảo hộ ra nước ngoài (EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc,...).

- Có ít nhất 15 sáng chế/giải pháp hữu ích; 30 kiểu dáng công nghiệp; 04 giống cây trồng; 20 quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả được cấp văn bằng bảo hộ.

- Hỗ trợ hoạt động quản lý và phát triển ít nhất 10 thương hiệu cộng đồng (nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý) đã được bảo hộ.

- Hỗ trợ xây dựng và phát triển thành công một (01) thương hiệu mạnh của tỉnh dựa trên tài sản trí tuệ có tầm ảnh hưởng quốc gia.

2.3. Nhiệm vụ chủ yếu

a) Nâng cao về tài sản trí tuệ cho các đối tượng có liên quan

- Ban hành Quy định tiêu chí đăng ký xác lập quyền đối với nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho nông sản đặc thù tỉnh Đồng Tháp.

- Ban hành Quy chế phối hợp tạo lập, quản lý và phát triển các chỉ dẫn địa lý trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu về TSTT cho cán bộ quản lý, doanh nghiệp và các trường đại học, cao đẳng; thiết lập và phổ biến các tài liệu, cẩm nang, nền tảng số về TSTT chuyên biệt cho tỉnh Đồng Tháp.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và xây dựng ý thức, trách nhiệm tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

- Vinh danh, khen thưởng, nêu gương đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phát triển hoạt động sở hữu trí tuệ.

b) Tăng cường các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ, thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong nước và quốc tế

- Xây dựng Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030.

- Thực hiện các chính sách về khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ kinh phí và tư vấn chuyên sâu cho hoạt động xác lập quyền SHTT (tra cứu, nộp đơn, lệ phí).

- Hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền giống cây trồng, quyền tác giả và quyền liên quan nhằm bảo vệ và phát triển các tài sản trí tuệ của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Hỗ trợ đăng ký bảo hộ cho ít nhất 100 đối tượng TSTT (bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý), tập trung vào các sáng chế có tính ứng dụng cao. Hỗ trợ xác lập quyền SHTT ở nước ngoài cho các sản phẩm, thương hiệu có tiềm năng xuất khẩu.

c) Thúc đẩy khai thác thương mại TSTT

Thực hiện thành công ít nhất 03 mô hình khai thác TSTT trong các ngành mũi nhọn (nông nghiệp, du lịch) và hỗ trợ ít nhất 10 doanh nghiệp khai thác hiệu quả TSTT để tăng doanh thu từ 20 - 30%. Triển khai các chương trình tư vấn về quản trị TSTT trong doanh nghiệp và kết nối với các tổ chức tài chính để định giá, sử dụng TSTT làm tài sản thế chấp/góp vốn. Lựa chọn và tập trung nguồn lực xây dựng thành công 01 thương hiệu mạnh dựa trên TSTT có tầm ảnh hưởng quốc gia, đi kèm chiến lược truyền thông đồng bộ.

d) Tăng cường hiệu quả thực thi và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

- Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý nghiêm minh các hành vi xâm phạm quyền SHTT, hàng giả, hàng nhái, tạo môi trường kinh doanh công bằng và lành mạnh.

- Hỗ trợ triển khai các biện pháp bảo vệ và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

3. Phát triển công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

3.1. Mục tiêu tổng quát

Ưu tiên tập trung nguồn lực của tỉnh cho phát triển tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Đưa năng suất, chất lượng trở thành động lực phát triển quan trọng trong các ngành, lĩnh vực thông qua việc áp dụng các hệ thống quản lý, các công cụ cải tiến năng suất tiên tiến, kết hợp với nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng, phát

triển nguồn nhân lực phù hợp với xu thế phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đưa tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trở thành công cụ quan trọng thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, tạo nền tảng kỹ thuật quan trọng, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá, của các ngành, lĩnh vực và nền kinh tế, nâng cao năng lực hội nhập quốc tế.

3.2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2027

- Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, phổ biến cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh triển khai áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (ít nhất 02 cuộc).

- Triển khai ít nhất 01 mô hình áp dụng tích hợp công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến để cải tiến năng suất, chất lượng trong doanh nghiệp; trong đó, tập trung vào mô hình, công cụ cải tiến năng suất dựa trên nền tảng số, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh.

- Xây dựng hệ thống phổ biến kiến thức trực tuyến về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng của tỉnh Đồng Tháp.

- Hướng dẫn, hỗ trợ ít nhất 04 doanh nghiệp đủ điều kiện đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét tặng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia.

b) Giai đoạn 2028 – 2030

- Triển khai ít nhất 03 mô hình áp dụng tích hợp công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến để cải tiến năng suất, chất lượng trong doanh nghiệp; trong đó, tập trung vào mô hình, công cụ cải tiến năng suất dựa trên nền tảng số, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh.

- Xây dựng triển khai ít nhất 03 mô hình áp dụng công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến (5S-Kaizen, ISO 9001, ISO 15189, ISO/IEC17025, Lean...) tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Vận hành hệ thống phổ biến kiến thức trực tuyến về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng của tỉnh Đồng Tháp.

- Hướng dẫn, hỗ trợ ít nhất 06 doanh nghiệp đủ điều kiện đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét tặng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia.

- Hình thành và phát triển hệ sinh thái năng suất và chất lượng tỉnh Đồng Tháp, kết nối đồng bộ giữa quản lý nhà nước, doanh nghiệp và cơ sở đào tạo.

- Có ít nhất 01 đơn vị sự nghiệp công lập được cấp Giấy chứng nhận đăng

ký hoạt động chứng nhận (đăng ký hoạt động chứng nhận đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực chứng nhận hệ thống quản lý theo TCVN ISO 9001/ISO 9001; TCVN ISO 22000/ ISO 22000; VIETGAP;...).

- Ban hành ít nhất 05 tiêu chuẩn cơ sở hoặc quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng sản phẩm, hàng hóa (gắn với truy xuất nguồn gốc) thuộc các ngành hàng chủ lực trong tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

- Hoàn thiện hệ thống thông tin truy xuất nguồn gốc của tỉnh và phát triển hạ tầng kỹ thuật cần thiết cho việc triển khai, vận hành hệ thống, đáp ứng hoạt động truy xuất nguồn gốc tại địa phương, kết nối được với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa Quốc gia và các hệ thống thông tin, dữ liệu của Bộ, ngành khác theo quy định.

- Xây dựng và triển khai Đề án “Xây dựng và phát triển hạ tầng chất lượng tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030”.

- Hằng năm, tăng từ 10-15% số lượng các tổ chức kinh tế được hỗ trợ các giải pháp về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm.

- Hằng năm, có ít nhất 30 lượt doanh nghiệp được hỗ trợ theo các chính sách của Trung ương, của tỉnh trong việc xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến theo các tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế.

3.3. Nhiệm vụ chủ yếu

a) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Tổ chức thông tin, tuyên truyền về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong việc bảo đảm sự công bằng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp về ý nghĩa của việc sản xuất, tiêu dùng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng và nâng cao ý thức tự giác chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

b) Rà soát, xây dựng, bổ sung, hoàn thiện chính sách về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện chính sách hỗ trợ các tổ chức kinh tế đầu tư vào hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo hướng bổ sung các nội dung hỗ trợ về phân tích, thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa; đăng ký sử dụng mã số - mã vạch; xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, chương trình bảo đảm đo lường và các hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến hiện đại.

- Xây dựng các tiêu chuẩn về yêu cầu đối với chuỗi cung ứng cho các sản phẩm đặc trưng, thế mạnh của tỉnh.

- Đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp về chuyển đổi số, mã số - mã vạch, truy xuất nguồn gốc để tăng cường công tác quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá, tạo môi trường sản xuất kinh doanh minh bạch, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển thương mại, thị trường xuất, nhập khẩu.

- Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Đồng Tháp, kết nối với các hệ thống truy xuất nguồn gốc trong nước và quốc tế; quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu sản phẩm, hàng hóa trong nước và quốc tế; chia sẻ dữ liệu truy xuất nguồn gốc giữa các hệ thống. Thực hiện, giám sát, đánh giá các công việc liên quan quản lý truy xuất nguồn gốc; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức. Hệ thống thông tin cũng dựa trên số liệu báo cáo, thống kê và công nghệ để phân tích trợ giúp cơ quan quản lý đưa ra chính sách kịp thời, phù hợp.

c) Đào tạo nguồn nhân lực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

- Đào tạo đội ngũ chuyên gia, giảng viên lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cho địa phương thông qua việc cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các chương trình đào tạo chuyên sâu về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong và ngoài nước.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn kiến thức, kỹ năng về năng suất chất lượng cho cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp và người lao động. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các chương trình đào tạo của Tổ chức Năng suất Châu Á và các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế, khu vực.

d) Tăng cường đầu tư ngân sách nhà nước cho công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hỗ trợ đầu tư vào hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

- Đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị; mở rộng lĩnh vực chỉ định của các Bộ, ngành nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ; bảo đảm các nguồn lực trong triển khai các hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo và chuẩn đo lường; phân tích, thử nghiệm, đánh giá sự phù hợp chất lượng sản phẩm, hàng hóa từng bước tiến tới đáp ứng hoàn toàn nhu cầu của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh và các địa phương lân cận.

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị thử nghiệm nhanh, kiểm định, đo lường lưu động phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, ứng phó sự cố (sự cố hóa chất, sự cố bức xạ, hạt nhân, sự cố môi trường) trong một số lĩnh vực quan trọng, có tính chất phức tạp của tỉnh để kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm; ứng phó, kiểm soát các sự cố môi trường và xã hội.

- Triển khai và thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Thực hiện các chính sách hỗ trợ nhằm thúc đẩy đầu tư vào hoạt động tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, đáp ứng tốt các yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

đ) Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

- Chủ động, tăng cường trao đổi thông tin, kinh nghiệm, hợp tác trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng với các cơ quan, tổ chức liên quan trong nước và quốc tế.

- Cập nhật kịp thời các tiêu chuẩn, công nghệ mới. Hỗ trợ việc áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn quốc tế phục vụ nhu cầu của tổ chức, doanh nghiệp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

4. Nghiên cứu khoa học

4.1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên; ứng dụng AI, dữ liệu lớn, IoT trong quản lý nhà nước. Phát triển nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao, gắn với công nghiệp chế biến, chuỗi giá trị và thị trường xuất khẩu; thúc đẩy sản xuất tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển đổi số nông thôn và phát triển du lịch nông nghiệp.

4.2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2027

- Mỗi năm có ≥ 50 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.
- Mỗi năm có ≥ 40 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.
- Có 40% - 50% kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.
- Có 10% - 20% doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh: Viện Cây ăn quả miền Nam, Trường Đại học Đồng Tháp, Trường Đại học Tiền Giang.
- Mỗi năm có ≥ 150 bài báo khoa học có chỉ số khoa học có địa chỉ tác giả tại địa phương (WoS/Scopus/ISI): Viện Cây ăn quả miền Nam, Trường Đại học Đồng Tháp, Trường Đại học Tiền Giang.

b) Giai đoạn 2028 - 2030

- Mỗi năm có ≥ 50 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.

- Mỗi năm có ≥ 40 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.

- Có $\geq 60\%$ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.

- Có $\geq 25\%$ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.

- Mỗi năm có ≥ 150 bài báo khoa học có chỉ số khoa học có địa chỉ tác giả tại địa phương (WoS/Scopus/ISI).

4.3. Nhiệm vụ chủ yếu

- Đẩy mạnh nghiên cứu các lĩnh vực sau:

- + Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ công tác bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh: các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ bí mật nhà nước.

- + Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp: nông nghiệp công nghệ cao; nông nghiệp xanh, tuần hoàn; công nghệ sinh học, công nghệ chế biến; ứng dụng công nghệ thông tin; hình thành chuỗi giá trị gắn với lợi thế liên kết vùng, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; công nghệ xử lý môi trường, tiết kiệm năng lượng; bảo tồn và phát triển các cây trồng/vật nuôi bản địa; lai/tạo giống mới; khai thác được liệu quý; hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư chế biến sâu, bảo quản sau thu hoạch, sản xuất sạch hơn.

- + Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ trong công thương và môi trường: tập trung vào các công nghệ theo chuỗi công nghệ khép kín, sản xuất tuần hoàn đối với từng nhóm nguyên liệu chủ yếu tại địa phương tạo ra các sản phẩm chất lượng cao; ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sinh học trong tái chế chất thải, xử lý phụ phẩm nông nghiệp, xử lý chất thải chăn nuôi, sản xuất năng lượng sạch, năng lượng tái tạo từ thiên nhiên và các nguồn chất thải phát sinh từ nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt; phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên (tài nguyên đất, nước, không khí, đa dạng sinh học,...).

- + Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ trong xây dựng: công nghệ xây dựng tiên tiến, các loại vật liệu xây dựng mới có tính năng cao, hiệu quả, tiết kiệm năng lượng, thân thiện và bảo vệ môi trường; nghiên cứu ứng dụng vật liệu tái chế trong công trình xây dựng; đổi mới, hoàn thiện phương pháp luận công tác quy hoạch xây dựng; ứng dụng các công nghệ thông minh, tiên tiến hiện đại trong quản lý đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị, hệ thống kỹ thuật trong và ngoài nhà.

- + Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực văn hóa - xã hội: ứng

dụng công nghệ hiện đại, chuyên nghiệp và nâng cao hiệu quả xúc tiến quảng bá du lịch; phát triển sản phẩm du lịch sinh thái sông nước miệt vườn, du lịch biển, du lịch văn hoá, tâm linh và du lịch cộng đồng; nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ du lịch theo hướng hiện đại, khác biệt; phát triển và ứng dụng các kỹ thuật, giải pháp, quy trình và sản xuất, ứng dụng các sản phẩm công nghệ sinh học trong y dược.

- Tăng cường phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương, các tổ chức khoa học và công nghệ, các doanh nghiệp trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ.

- Đẩy mạnh phối hợp với các viện, trường nghiên cứu, ứng dụng thông qua các chương trình hợp tác giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với các viện, trường.

5. Phát triển công tác chuyển đổi số

5.1. Mục tiêu tổng quát

Thúc đẩy chuyển đổi số trên các lĩnh vực, nhất là chính quyền số làm đầu tàu dẫn dắt kinh tế số, xã hội số phát triển; nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước; nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp và đời sống của người dân. Xây dựng chính quyền số hiện đại, minh bạch, hiệu quả, đưa hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền lên môi trường số; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiện ích số tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững. Phát triển hạ tầng bưu chính, viễn thông thành hạ tầng số, thúc đẩy mạnh mẽ kinh tế số nông nghiệp, nông thôn; đa dạng hóa và nâng cao các loại hình dịch vụ phù hợp với xu thế phát triển thương mại điện tử, logistics, kinh tế số. Phần đầu đạt thứ hạng khá so với các tỉnh, thành phố về Chỉ số chuyển đổi số (DTI) Quốc gia.

5.2. Mục tiêu cụ thể (giai đoạn 2026 - 2030)

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn đạt 100%.
- 100% người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.

b) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh $\geq 0,75$;
- Có 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.
- 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.

- 100% giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.
- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- Có $\geq 85\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- Có $\geq 70\%$ hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.
- Có $\geq 80\%$ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông tới Trung ương.
- Có $\geq 85\%$ dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.
- Có $\geq 60\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- Có $\geq 80\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID), tỷ lệ người dân có chữ ký số $\geq 10\%$.
- Các cơ quan đảng trong tỉnh hoàn thành tốt mục tiêu của Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng.
- Có $\geq 90\%$ đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.
- Quy mô kinh tế số đạt 30% GRDP.
- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử.
- Tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt tối thiểu 55%.
- Có $\geq 80\%$ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
- Có $\geq 80\%$ giao dịch không dùng tiền mặt.
- Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh tại phường Mỹ Tho, phường Cao Lãnh, phường Sa Đéc và phường Hồng Ngự.
- Hoàn thiện dữ liệu số về nông nghiệp, tài nguyên môi trường, giao thông, công nghiệp, cấp thoát nước, y tế, giáo dục,...
- Hoàn thiện Trung tâm dữ liệu tỉnh; triển khai kết nối, đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia.

5.3. Nhiệm vụ chủ yếu

5.3.1. Các giải pháp chuyển đổi số trong doanh nghiệp

a) *Nâng cao nhận thức và đổi mới tư duy trong doanh nghiệp về chuyển đổi số*

- Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền; cung cấp thông tin chính thống cho báo chí, truyền thông để quảng bá các hoạt động về hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới.

- Xây dựng, nâng cấp nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà, cung cấp miễn phí kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp. Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Phát động phong trào thi đua để phát huy sức mạnh tổng hợp, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số. Biểu dương, tôn vinh, khen thưởng, khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số.

- Phối hợp và tăng cường kiểm soát, kịp thời ngăn chặn, xử lý nghiêm các thông tin xấu, độc hại sai sự thật về các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới.

b) Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi số doanh nghiệp

- Cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả, kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

- Xây dựng cơ chế giao nhiệm vụ cho một số doanh nghiệp làm chủ công nghệ chiến lược, đi đôi với nhiệm vụ triển khai phát triển hạ tầng số, các dự án chuyển đổi số của tỉnh.

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số, thu hút doanh nghiệp có năng lực về công nghệ đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại tỉnh; khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về chuyển đổi số.

- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ (lĩnh vực khoa học và công nghệ) trên địa bàn tỉnh.

c) Phát triển hạ tầng số và thúc đẩy ứng dụng trong sản xuất kinh doanh

- Xây dựng, ban hành chương trình đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm như: giáo dục, y tế, nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, tài chính, giao thông, xây dựng, logistics, du lịch,...

- Triển khai đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như giáo dục, y tế, nông nghiệp, giao thông,... Chuyển đổi số trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng tăng cường ứng dụng Internet vạn vật (IoT).

- Thúc đẩy ứng dụng AI, IoT, Big Data,... để nâng cao chất lượng sống và quản lý môi trường, đô thị thông minh.

- Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bao gồm: đưa sản phẩm lên môi trường số, trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số (đặc biệt quan trọng đối với hợp tác xã và hộ kinh doanh).

- Triển khai khu công viên phần mềm/khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

d) Hợp tác và thu hút đầu tư

- Tổ chức học tập kinh nghiệm các tỉnh, thành phố có các mô hình, chuyển đổi số trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp, viện, trường trong và ngoài nước về chuyển đổi số trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phù hợp với đặc thù, tiềm năng, thế mạnh của địa phương.

- Tổ chức xúc tiến đầu tư, mời gọi các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước có tiềm lực, thương hiệu mạnh trong các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

5.3.2. Các giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế số

a) Tập trung phát triển công nghiệp công nghệ số

- Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện phát triển, thu hút doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghệ số, KHCN và đổi mới sáng tạo. Đồng thời, xây dựng cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ KHCN và chuyển đổi số phục vụ phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

- Nghiên cứu các chế độ, chính sách phát triển, thu hút doanh nghiệp công nghệ số nhằm gia tăng về số lượng và nâng cao về chất lượng của các doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh; các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số khai thác tốt thị trường chuyển đổi số trong tỉnh.

- Xây dựng Khu công nghệ số tập trung Mekong của tỉnh tham gia vào chuỗi công viên phần mềm Quang Trung. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển Không gian khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo là nơi kết nối nguồn lực, hỗ trợ sự phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Công bố danh mục các bài toán lớn về KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh để các doanh nghiệp công nghệ số tham gia giải quyết.

b) Phát triển dữ liệu số

- Hoàn thiện các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, bảo đảm dữ liệu “đúng”, “đủ”, “sạch”, “sống” đối với dữ liệu tại Kho dữ liệu dùng chung, kho dữ liệu mở, bảo đảm tích hợp, đồng bộ dữ liệu từ địa phương về Trung tâm dữ liệu quốc gia. Hoàn thiện dữ liệu số về nông nghiệp, tài nguyên môi trường, giao thông, công nghiệp, cấp thoát nước, y tế, giáo dục, du lịch,...

- Đẩy mạnh ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân. Đến năm 2030 có hơn 70% hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.

- Nâng cấp trực liên thông văn bản tỉnh (LGSP) bảo đảm triển khai liên thông, tích hợp, đồng bộ, dữ liệu từ các hệ thống thông tin dùng chung, các ứng dụng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh phải đáp ứng quy trình liên thông của Khung kiến trúc số cấp tỉnh. Có hơn 85% dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP, hơn 80% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông tới Trung ương.

- Thực hiện số hóa dữ liệu về hạ tầng giao thông công cộng và phương tiện giao thông, dữ liệu về kho, bãi và các trung tâm logistics một cách kịp thời, hỗ trợ giải quyết tốt những vấn đề khó khăn, vướng mắc của ngành giao thông và đáp ứng được nhu cầu xây dựng chuỗi cung ứng giao nhận - kho vận và logistics.

- Thường xuyên kiểm tra, hoàn thiện Cổng dữ liệu mở tỉnh Đồng Tháp và bảo đảm cung cấp, cập nhật kịp thời các bộ dữ liệu mở cho các cơ quan, doanh nghiệp và người dân tra cứu, khai thác sử dụng.

c) Tập trung thúc đẩy kinh tế số các nhóm ngành, lĩnh vực trọng tâm

- *Nông nghiệp hiện đại*: Phát triển hệ sinh thái nông nghiệp số tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu số ngành nông nghiệp đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã. Xây dựng nền tảng kết nối cung cầu, quảng bá sản phẩm nông nghiệp. Thúc đẩy phát triển thương mại điện tử trong nông nghiệp, tăng tỷ trọng giá trị tăng thêm của nông nghiệp trong việc ứng dụng chuyển đổi số. Ứng dụng công nghệ số (dữ liệu lớn, IoT, viễn thám) để số hóa dữ liệu và tự động hóa quy trình sản xuất nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên. Thúc đẩy nông dân tham gia các hoạt động ứng dụng công nghệ số vào quy trình sản xuất, cung cấp dịch vụ nông nghiệp thông qua việc “số hóa dữ liệu liên quan đến sản xuất” tiến đến “số hóa, tự động hóa quy trình sản xuất” và “chuyển đổi số toàn diện trong sản xuất”. Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số cho nông dân, hội quán, hợp tác xã, tổ hợp tác,...

- *Thương mại điện tử*: Đẩy mạnh chuyển đổi số trong doanh nghiệp, hỗ trợ các hộ kinh doanh, hợp tác xã áp dụng thương mại điện tử trong sản xuất, kinh doanh, phân phối sản phẩm, nhất là các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh. Ứng dụng công nghệ số sâu rộng hơn trong các hoạt động thương mại điện tử, bao gồm trí tuệ nhân tạo, IoT, và các công nghệ khác để tối ưu hóa quy trình, nâng cao trải nghiệm người dùng và mở rộng thị trường. Kết nối các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cửa hàng,... với doanh nghiệp cung cấp nền tảng số và ứng dụng số thúc đẩy thương mại điện tử.

- *Du lịch tích hợp công nghệ*: Tiếp tục nâng cấp hoàn thiện Cổng thông tin du lịch tỉnh Đồng Tháp đáp ứng với sự thay đổi về nhu cầu du lịch của du khách. Thúc đẩy phát triển hệ sinh thái du lịch số bao gồm chuyển đổi số trong quản lý, truyền thông xúc tiến, quảng bá và giới thiệu điểm đến, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và IoT có thể được triển khai rộng rãi trong ngành du lịch. Tiếp tục nâng cao kỹ năng số cho các doanh nghiệp và người lao động trong ngành du lịch. Gắn kết Du lịch số phát triển cùng với các "làng thông minh" và kết nối các sản phẩm du lịch địa phương với du khách thông qua các nền tảng số. Kết nối doanh nghiệp khai thác các điểm du lịch với doanh nghiệp cung cấp nền tảng số và ứng dụng số để thúc đẩy du lịch số.

- *Sản xuất tích hợp công nghệ*: Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số và tự động hóa trong sản xuất, ưu tiên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp chế biến. Xây dựng mô hình nhà máy hiện đại, trang trại ứng dụng công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã áp dụng các giải pháp IoT, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong quản lý, vận hành và tối ưu quy trình sản xuất. Hỗ trợ doanh nghiệp, cá nhân triển khai sandbox để phát triển, thử nghiệm và áp dụng các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số nhằm thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Có cơ chế, chính sách khuyến khích chuyển đổi mô hình sản xuất kinh doanh truyền thống sang mô hình sản xuất tích hợp công nghệ.

- *Logistics tích hợp công nghệ*: Ứng dụng công nghệ số trong quản lý và phân tích logistics, xây dựng hệ thống quản lý phân tích logistics, quản lý đăng ký thông tin vận tải trên môi trường số; hiện đại hóa mạng lưới và dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát theo hướng phát triển thành hạ tầng cho thương mại điện tử. Kết nối các doanh nghiệp logistics trên địa bàn với các doanh nghiệp cung cấp nền tảng số và ứng dụng số trong sản xuất.

d) Quản trị số

- Tập trung xây dựng nền tảng quản trị số tập trung, bảo đảm tích hợp, liên thông giữa các hệ thống điều hành, cơ sở dữ liệu và dịch vụ công trên toàn tỉnh. Tổ chức triển khai kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh, kết nối với các cơ sở dữ liệu

quốc gia và dữ liệu chuyên ngành, làm nền tảng cho việc ra quyết định dựa trên dữ liệu. Đẩy mạnh số hóa, cải cách và đơn giản hóa thủ tục hành chính; nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên nhiều nền tảng, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp trong tiếp cận và sử dụng dịch vụ công.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn trong công tác chỉ đạo, điều hành, nhất là trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường, nông nghiệp, y tế. Phát triển chính quyền số đến cấp xã theo hướng thống nhất, đồng bộ, gắn với nâng cao năng lực số cho cán bộ, công chức, viên chức ở cơ sở. Tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng thông qua việc triển khai các lớp bảo vệ hệ thống và tổ chức đào tạo, diễn tập định kỳ. Thiết lập nền tảng vững chắc cho chính quyền số, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch và phục vụ tốt người dân, doanh nghiệp.

III. DANH MỤC CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ưu tiên thực hiện trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 chi tiết theo **Phụ lục I** đính kèm.

2. Danh mục các dự án công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 theo **Phụ lục II** đính kèm.

Các nhiệm vụ, dự án tại Phụ lục I và Phụ lục II là cơ sở định hướng thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030; quy trình triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, dự án này đều phải tuân thủ theo quy định hiện hành có liên quan. Hằng năm, sẽ được rà soát, bổ sung, điều chỉnh để phù hợp thực tiễn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường

Căn cứ nội dung Chương trình này, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện; thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ được giao. Nội dung báo cáo phải phản ánh đầy đủ việc thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu; hiệu quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; những khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất giải pháp. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực hiện Chương trình; đối với các trường hợp chậm triển khai, không hoàn thành nhiệm vụ, phải xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan, nhất là người đứng đầu.

Chế độ báo cáo: Báo cáo định kỳ hằng năm về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, gửi về Sở Khoa học và Công nghệ **trước ngày 15/01 của năm sau** (số liệu báo cáo từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 của năm báo cáo); báo cáo đột xuất thực hiện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để phối hợp xử lý.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

Là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra tình hình triển khai thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương; tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định; đồng thời đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm thực hiện thống nhất, hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương rà soát, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; kịp thời tham mưu điều chỉnh, bổ sung nội dung phù hợp với tình hình thực tiễn. Chủ động phối hợp xử lý theo thẩm quyền đối với các kiến nghị, khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình thực hiện; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với các nội dung vượt thẩm quyền./.